

DANH MỤC KỸ THUẬT
TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG TPHCM
NĂM 2022

STT	STT TT 43/2013 - TT 21/2017	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
4	6	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	x	x	x
5	7	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 01 nòng	x	x	x	
6	9	Đặt catheter động mạch	x	x		
7	10	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
8	11	Chăm sóc catheter động mạch	x	x		
9	15	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
10	16	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
11	17	Đo áp lực động mạch xâm nhập liên tục ≤ 8 giờ	x	x		
12	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
13	32	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	x	x	
14	34	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	x	x	x	
15	35	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	
16	39	Hạ huyết áp chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x	
17	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
18	52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	x
19	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x
20	54	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	x	x	x	x
21	55	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở người bệnh có thở máy (một lần hút)	x	x	x	
22	56	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở máy) (một lần hút)	x	x	x	
23	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	x	x	x

24	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
25	59	Thở ô xy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
26	60	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
27	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
28	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
29	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
30	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	
31	67	Đặt nội khí quản 2 nòng	x	x		
32	68	Đặt nội khí quản cấp cứu bằng Combitube	x	x	x	
33	69	Đặt mặt nạ thanh quản cấp cứu	x	x	x	
34	70	Đặt ống nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)	x	x		
35	71	Mở khí quản cấp cứu	x	x	x	
36	72	Mở khí quản qua màng nhĩn giáp	x	x	x	
37	73	Mở khí quản thường quy	x	x	x	
38	74	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	x	x	x	
39	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x	
40	76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	
41	77	Thay ống nội khí quản	x	x	x	
42	78	Rút ống nội khí quản	x	x	x	
43	79	Rút canuyn khí quản	x	x	x	
44	80	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	
45	83	Theo dõi ETCO ₂ ≤ 8 giờ	x	x		
46	84	Thăm dò CO ₂ trong khí thở ra	x	x	x	
47	85	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
48	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
49	87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	x	x	x	
50	88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x	
51	106	Nội soi khí phế quản cấp cứu	x	x	x	
52	107	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh không thở máy	x	x		
53	108	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán cấp cứu ở người bệnh có thở máy	x	x		
54	109	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh không thở máy	x	x		

55	110	Nội soi phế quản ống mềm điều trị cấp cứu ở người bệnh có thở máy	x	x		
56	111	Nội soi khí phế quản lấy dị vật	x	x	x	
57	112	Bơm rửa phế quản	x	x		
58	113	Rửa phế quản phế nang	x	x		
59	120	Nội soi khí phế quản hút đờm	x	x		
60	121	Nội soi khí phế quản điều trị xẹp phổi	x	x		
61	132	Thông khí nhân tạo xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
62	133	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV ≤ 8 giờ	x	x	x	
63	134	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV ≤ 8 giờ	x	x	x	
64	135	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV) ≤ 8 giờ	x	x	x	
65	136	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV ≤ 8 giờ	x	x	x	
66	137	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV ≤ 8 giờ	x	x	x	
67	155	Gây mê liên tục kiểm soát người bệnh thở máy ≤ 8 giờ	x	x	x	
68	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
69	159	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao	x	x	x	
		D. THẦN KINH				
70	202	Chọc dịch tuỷ sống	x	x	x	
71	213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
72	214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
		Đ. TIÊU HOÁ				
73	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x
74	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
75	221	Thụt tháo	x	x	x	x
76	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x
77	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	x
78	228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	x	x	x	x
79	229	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên ≤ 8 giờ	x	x	x	x
80	230	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch trung tâm ≤ 8 giờ	x	x	x	
81	232	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chẩn đoán và cầm máu	x	x	x	
82	233	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu có gây mê tĩnh mạch	x	x	x	
		E. TOÀN THÂN				
83	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x	
84	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x

85	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
86	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
87	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
88	253	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	x	x	x	x
89	254	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	x
90	255	Kiểm soát pH máu bằng bicarbonate ≤ 8 giờ	x	x	x	
91	256	Điều chỉnh tăng/giảm kali máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
92	257	Điều chỉnh tăng/giảm natri máu bằng thuốc tĩnh mạch	x	x	x	
93	258	Kiểm soát tăng đường huyết chỉ huy ≤ 8 giờ	x	x	x	
94	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	x
95	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
96	264	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
97	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
98	268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
99	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
100	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
101	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
102	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x
103	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x	
		G. XÉT NGHIỆM .				
104	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x
105	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
106	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	x	x	x	
107	284	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x
108	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x	x	x	x
		II. NỘI KHOA				
1	23	Đo đa ký giấc ngủ	x			
		III. NHI KHOA				
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		B. TAI - MŨI - HỌNG				
1	991	Nội soi thanh quản-hạ họng đánh giá và sinh thiết u	x	x		
2	992	Nội soi cầm máu mũi không sử dụng Meroxio (1 bên)	x	x		
3	993	Nội soi cầm máu mũi có sử dụng Meroxio (1 bên)	x	x		
4	994	Nội soi cầm máu mũi	x	x		

5	995	Nội soi thanh quản treo cắt hạt xơ	x	x		
6	996	Nội soi thanh quản cắt papilloma	x	x		
7	997	Nội soi mũi, họng có sinh thiết	x	x		
8	998	Nội soi thanh quản ống mềm không sinh thiết	x	x		
9	999	Nội soi mũi xoang	x	x		
10	1000	Nội soi mũi họng cắt đốt bằng điện cao tần	x	x		
11	1001	Nội soi tai	x	x	x	
12	1002	Nội soi mũi	x	x	x	
13	1003	Nội soi họng	x	x	x	
		C. THANH- PHẾ QUẢN				
14	1014	Nội soi phế quản ống mềm	x	x		
15	1015	Nội soi phế quản ống cứng	x	x		
16	1021	Nội soi phế quản lấy dị vật (ống cứng, ống mềm)	x	x		
17	1022	Nội soi phế quản qua ống nội khí quản	x	x		
		XI. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI				
18	2078	Cấy điện cực ốc tai	x			
19	2079	Phẫu thuật tạo hình tái tạo lại hệ thống truyền âm	x			
20	2080	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây VII	x			
21	2081	Phẫu thuật giảm áp dây thần kinh VII	x			
22	2082	Thay thể xương bàn đạp	x			
23	2083	Khoét mê nhĩ	x			
24	2084	Mở túi nội dịch tai trong	x			
25	2085	Phẫu thuật điều trị rò dịch não tủy ở tai	x			
26	2086	Phẫu thuật điều trị rò mê đạo	x			
27	2087	Phẫu thuật tạo hình tai giữa, tai ngoài do dị tật bẩm sinh	x			
28	2088	Phẫu thuật cắt dây thần kinh tiền đình	x			
29	2089	Phẫu thuật cắt ống tai ngoài-vá da	x			
30	2090	Phẫu thuật cấy máy trợ thính tai giữa	x			
31	2091	Phẫu thuật tai trong/u dây thần kinh VII/u dây thần kinh VIII	x			
32	2092	Phẫu thuật đỉnh xương đá	x			
33	2093	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa	x			
34	2094	Phẫu thuật tái tạo ống tai ngoài bằng xương tự thân hay xi măng sau mổ sào bào thượng nhĩ hở	x	x		
35	2095	Phẫu thuật bít lấp hố mỏ chỏm bằng xương và vật Palva	x	x		
36	2096	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng vật liệu tự thân hay tổng hợp	x	x		

37	2097	Phẫu thuật chỉnh hình lại hốc mỏ tiết căn xương chũm	x	x		
38	2098	Tạo hình ống tai ngoài phần xương	x	x		
39	2099	Tạo hình phục hồi mũi hoặc tai từng phần: ghép, cấy hoặc tạo hình tại chỗ	x	x		
40	2100	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não	x	x		
41	2101	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	x	x		
42	2102	Phẫu thuật tiết căn xương chũm	x	x		
43	2103	Phẫu thuật sào bào thượng nhĩ, vá nhĩ	x	x		
44	2104	Vá nhĩ đơn thuần	x	x		
45	2105	Phẫu thuật kiểm tra xương chũm	x	x		
46	2106	Tạo hình khuyết bộ phận vành tai, vạt da có cuống	x	x		
47	2108	Đặt ống thông khí hòm tai	x	x		
48	2109	Phẫu thuật mở hòm nhĩ, kiểm tra hệ thống truyền âm, gỡ xơ	x	x		
49	2110	Phẫu thuật cắt vành tai	x	x		
50	2111	Phẫu thuật tái tạo hệ thống truyền âm	x	x		
51	2112	Chỉnh hình tai giữa	x	x		
52	2114	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x	
53	2115	Khâu vành tai rách sau chấn thương	x	x	x	
54	2116	Thông vòi nhĩ	x	x	x	
55	2117	Lấy dị vật tai	x	x	x	
56	2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	x	x	x	
57	2119	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	
58	2120	Làm thuốc tai	x	x	x	
59	2121	Chích rạch màng nhĩ	x	x		
60	2122	Đặt ống thông khí tại giữa	x	x		
61	2123	Phẫu thuật đặt ống thông khí	x	x		
62	2124	Phẫu thuật tăng cường màng nhĩ - đặt ống thông khí	x	x		
63	2125	Lấy dáy tai (nút biểu bì)	x	x	x	x
64	2126	Đo điện thính giác thân não	x	x		
		B. MŨI XOANG				
65	2127	Phẫu thuật cắt thân kinh Vidienne	x	x		
66	2128	Phẫu thuật vùng chân bướm hàm	x	x		
67	2129	Thắt động mạch bướm-khẩu cái	x	x		
68	2130	Thắt động mạch hàm trong	x	x		
69	2131	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x		

70	2132	Phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	x	x		
71	2133	Phẫu thuật lấy dị vật trong xoang, ổ mắt	x	x		
72	2134	Phẫu thuật tịt cửa mũi sau trẻ em	x	x		
73	2135	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	x	x		
74	2136	Phẫu thuật rò vùng sống mũi	x	x		
75	2137	Phẫu thuật xoang trán	x	x		
76	2138	Thắt động mạch sàng	x	x		
77	2139	Khâu lỗ thủng bịt vách ngăn mũi	x	x		
78	2140	Khoan thăm dò xoang trán	x	x		
79	2141	Phẫu thuật nạo sàng hàm	x	x	x	
80	2142	Phẫu thuật Caldwell-Luc, phẫu thuật xoang hàm lấy răng	x	x	x	
81	2143	Đốt cuốn mũi bằng coblator	x	x	x	
82	2144	Phẫu thuật cuốn dưới bằng coblator	x	x	x	
83	2145	Phẫu thuật vách ngăn mũi	x	x	x	
84	2146	Phẫu thuật nạo VA đặt ống thông khí	x	x	x	
85	2147	Phẫu thuật lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	x	x	x	
86	2148	Nấn sống mũi sau chấn thương	x	x	x	
87	2149	Nhét bắc mũi sau	x	x	x	
88	2150	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	
89	2151	Đốt cuốn mũi	x	x	x	
90	2152	Bẻ cuốn dưới	x	x	x	
91	2153	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
92	2154	Làm Proetz	x	x	x	
93	2155	Cầm máu mũi bằng Meroxio (2 bên)	x	x	x	x
		C. HỌNG – THANH QUẢN				
94	2156	Phẫu thuật nối khí quản tận-tận trong sẹo hẹp thanh khí quản	x	x		
95	2158	Phẫu thuật treo sụn phễu	x	x		
96	2159	Phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần	x			
97	2160	Phẫu thuật cắt thanh quản bán phần	x			
98	2161	Phẫu thuật tạo hình sẹo hẹp thanh-khí quản	x			
99	2162	Phẫu thuật trong màng sụn thanh quản	x			
100	2157	Phẫu thuật cắt thanh quản và tái tạo hệ phát âm	x			
101	2163	Phẫu thuật đặt van phát âm thì II	x	x		
102	2165	Nong hẹp thanh khí quản	x	x		
103	2166	Phẫu thuật chỉnh hình chấn thương thanh quản	x	x		
104	2167	Phẫu thuật đường rò bẩm sinh cổ bên	x	x		
105	2168	Phẫu thuật cắt dây thanh	x	x		
106	2169	Phẫu thuật dính thanh quản	x	x		

107	2170	Phẫu thuật chữa ngáy (UPPP, CAUP, LAUP)	x	x		
108	2172	Phẫu thuật chỉnh hình họng, màn hầu, lưỡi gà	x	x		
109	2173	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản trong cắt thanh quản toàn phần	x	x		
110	2174	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, lưỡi	x	x	x	
111	2175	Chích áp xe thành sau họng	x	x	x	
112	2176	Áp lạnh Amidan	x	x	x	
113	2177	Cắt u nang hạ họng-thanh quản qua nội soi	x	x	x	
114	2178	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
115	2179	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	x	x	x	
116	2180	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x	
117	2181	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
118	2182	Đốt nhiệt họng hạt	x	x	x	
119	2183	Đốt lạnh họng hạt	x	x	x	
120	2184	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	x	x	x	
121	2185	Bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản	x	x	x	
122	2186	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
123	2187	Rửa vòm họng	x	x	x	
124	2188	Đặt nội khí quản khó: Co thắt khí quản, đe dọa ngạt thở	x	x	x	
125	2189	Sơ cứu bong kỳ đầu đường hô hấp	x	x	x	
126	2190	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
127	2191	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
		D. CỔ - MẶT				
128	2192	Khâu nối thần kinh ngoại biên	x	x		
129	2193	Phẫu thuật tái tạo vùng đầu-cổ bằng vật da cân-cơ-xương	x	x		
130	2194	Phẫu thuật chỉnh hình lưỡi gà-họng-màn hầu (UVPP)	x	x		
131	2195	Cắt thanh quản hạ họng có tái tạo bằng vật cân cơ	x			
132	2196	Cắt thanh quản bán phần bằng laser	x	x		
133	2197	Phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng	x	x		
134	2198	Phẫu thuật tái tạo vùng đầu cổ mặt bằng vật da cơ xương	x	x		
135	2199	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây thần kinh VII	x	x		
136	2200	Phẫu thuật cắt bỏ u thành bên họng lan lên đáy sọ có kiểm soát bằng kính hiển vi và nội soi	x	x		
137	2201	Phẫu thuật đi vào vùng chân bướm hàm	x	x		
138	2202	Thắt động mạch bướm-khẩu cái	x	x		
139	2203	Phẫu thuật giảm lồi mắt/ người bệnh Basedow	x	x		

140	2204	Ghép vạt da cơ xương tự do trong tai mũi họng	x	x		
141	2206	Phẫu thuật thắt tĩnh mạch cảnh trong	x	x		
142	2207	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	x	x		
143	2208	Phẫu thuật đường rò bẩm sinh giáp móng	x	x		
144	2209	Phẫu thuật mở khí quản sơ sinh, trường hợp không có nội khí quản	x	x		
145	2210	Phẫu thuật thắt động mạch cảnh ngoài	x	x		
146	2211	Phẫu thuật lấy đường rò tai, cổ	x	x		
147	2212	Phẫu thuật tạo hình sống mũi, cánh mũi	x	x		
148	2213	Phẫu thuật sửa sệo vùng cổ mặt trên 5cm	x	x		
149	2214	Phẫu thuật chỉnh hình sệo hẹp lỗ mũi trước	x	x		
150	2215	Phẫu thuật sửa sệo vùng cổ mặt dưới 5cm	x	x		
151	2216	Phẫu thuật tuyến dưới hàm	x	x		
152	2217	Ghép thanh khí quản đặt stent	x	x		
153	2218	Cắt thanh quản có tái tạo phát âm	x	x		
154	2219	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản	x	x		
155	2220	Khâu phục hồi thanh quản do chấn thương	x	x		
156	2221	Phẫu thuật mở sụn giáp cắt dây thanh	x	x		
157	2222	FESS giải quyết các u lành tính	x	x		
158	2223	Mổ dò khe mang các loại	x	x		
159	2227	Phẫu thuật khâu phục hồi tổn thương phần mềm miệng, họng	x	x		
160	2228	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai - bảo tồn dây VII	x	x		
161	2229	Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII	x	x		
162	2230	Phẫu thuật nang và rò khe mang I - bảo tồn dây VII	x	x		
163	2231	Phẫu thuật cắt dò khe mang số 3 – 4 có cắt nửa tuyến giáp và bảo tồn dây thần kinh hồi quy	x	x		
164	2232	Phẫu thuật cắt bỏ nang và rò khe mang II	x	x		
165	2233	Phẫu thuật cắt bỏ nang và rò xoang lê (túi mang IV)	x	x		
166	2234	Phẫu thuật chấn thương mạch máu vùng cổ	x	x		
167	2238	Đốt họng bằng khí nitơ lỏng	x	x	x	
168	2239	Đốt họng bằng khí CO2 (bằng áp lạnh)	x	x	x	
169	2240	Phẫu thuật nạo VA gây mê	x	x	x	
170	2241	Cắt Amidan bằng coblator	x	x	x	
171	2242	Nạo VA bằng coblator	x	x	x	
172	2243	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	x	x	x	
173	2244	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe góc trong ổ mắt	x	x	x	
174	2245	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	x	x	x	

		XV. UNG BƯỚU- NHI				
		A. ĐẦU CỔ				
175	2451	Cắt u phần mềm vùng cổ	x	x		
176	2454	Cắt nang giáp móng	x	x		
		Đ. TAI – MŨI – HỌNG				
177	2564	Cắt u khoảng bên họng lan đáy sọ	x			
178	2569	Cắt u xơ vòm mũi họng	x			
179	2570	Cắt u thành bên lan lên đáy sọ	x			
180	2572	Cắt ung thư tai-xương chũm và nạo vét hạch	x			
181	2573	Cắt bỏ ung thư Amidan và nạo vét hạch cổ	x			
182	2575	Cắt ung thư thanh quản, hạ họng bằng laser	x			
183	2576	Phẫu thuật ung thư thanh môn có bảo tồn thanh quản	x			
184	2578	Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x		
185	2579	Cắt ung thư lưỡi và tạo hình tại chỗ	x	x		
186	2581	Cắt, nạo vét hạch cổ tiết căn	x	x		
187	2582	Cắt u lưỡi qua đường miệng	x	x		
188	2583	Nạo vét hạch cổ chọn lọc hoặc chức năng 1 bên	x	x		
189	2584	Nạo vét hạch cổ chọn lọc hoặc chức năng 2 bên	x	x		
190	2587	Cắt u amidan qua đường miệng	x	x		
191	2594	Cắt tuyến nước bọt dưới hàm	x	x		
192	2596	Cắt ung thư amidan/thanh quản và nạo vét hạch cổ	x	x		
193	2602	Cắt u cuộn cảnh	x	x		
194	2610	Cắt u xương ống tai ngoài	x	x		
195	2613	Cắt polyp ống tai	x	x	x	
196	2614	Cắt polyp mũi	x	x	x	
		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		A. SỌ NÃO – ĐẦU – MẶT – CỔ				
197	3926	Phẫu thuật nội soi xoang bướm - trán	x			
198	3928	Phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ	x			
199	3932	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong	x			
200	3933	Phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x		
201	3935	Phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm	x	x		
		B. TAI – MŨI – HỌNG				
202	3946	Phẫu thuật nội soi mũi xoang cắt u xoang bướm	x			
203	3947	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi họng	x			
204	3948	Phẫu thuật nội soi mũi xoang giảm áp dây thần kinh thị giác	x			

205	3949	Phẫu thuật nội soi lấy u lành tính hòm nhĩ	x			
206	3950	Phẫu thuật nội soi tạo hình lệ đạo	x			
207	3951	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh Vidien	x			
208	3952	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình xương con	x			
209	3954	Nội soi cắt hạt thanh đới	x	x		
210	3955	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	x	x		
211	3956	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn dưới	x	x		
212	3957	Phẫu thuật nội soi mũi xoang dẫn lưu u nhầy	x	x		
213	3958	Phẫu thuật nội soi cuốn giữa và cuốn dưới	x	x		
214	3959	Phẫu thuật nội soi mở sàng-hàm, cắt polyp mũi	x	x		
215	3960	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	x	x		
216	3961	Phẫu thuật nội soi nạo V.A	x	x		
217	3962	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ đơn thuần	x	x		
218	3963	Phẫu thuật nội soi nạo V.A - đặt ống thông khí	x	x		
219	3964	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ	x	x		
220	3965	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn giữa	x	x		
221	3966	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí	x	x	x	
		IX. GÂY MÊ HỒI SỨC				
		A. CÁC KỸ THUẬT				
1	6	Cấp cứu cao huyết áp	x	x	x	
2	7	Cấp cứu ngừng thở	x	x	x	
3	8	Cấp cứu ngừng tim	x	x	x	
4	10	Cấp cứu tụt huyết áp	x	x	x	
5	11	Chăm sóc bệnh nhân đã tử vong	x	x	x	
6	12	Chăm sóc catheter động mạch	x	x	x	
7	13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	x	x	
8	15	Chọc tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x	
9	16	Chọc tĩnh mạch cảnh trong	x	x	x	
10	17	Chọc tĩnh mạch đùi	x	x	x	
11	18	Chọc tĩnh mạch dưới đòn	x	x	x	
12	19	Chọc tuỷ sống đường bên	x	x	x	
13	20	Chọc tuỷ sống đường giữa	x	x	x	
14	21	Chống hạ thân nhiệt trong hoặc sau phẫu thuật	x	x	x	
15	28	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh ngoài	x	x	x	
16	29	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm luôn từ tĩnh mạch ngoại vi	x	x	x	
17	30	Đặt cathether theo dõi áp lực oxy não	x	x		
18	33	Đặt mát thanh quản Fastract	x	x	x	

19	34	Đặt mát thanh quản kinh điển hoặc tương đương	x	x	x	
20	35	Đặt mát thanh quản Proseal hoặc tương đương	x	x	x	
21	37	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy	x	x	x	
22	39	Đặt nội khí quản khó trong phẫu thuật hàm mặt	x	x		
23	40	Đặt nội khí quản khó với đèn McCoy (đèn có mũi điều khiển).	x	x	x	
24	41	Đặt nội khí quản mò qua mũi	x	x	x	
25	43	Đặt nội khí quản qua đèn Glidescope hoặc tương đương	x	x	x	
26	44	Đặt nội khí quản qua mũi	x	x	x	
27	46	Đặt nội khí quản với thuốc mê tĩnh mạch, thuốc mê hô hấp	x	x	x	
28	59	Dự phòng rối loạn đông máu bằng tiêm truyền axit tranexamic	x	x	x	
29	61	Kỹ thuật gây mê có hạ huyết áp chỉ huy	x	x		
30	62	Kỹ thuật gây mê hô hấp qua mặt nạ	x	x	x	
31	63	Kỹ thuật gây mê hô hấp với hệ thống Magill	x	x	x	
32	64	Kỹ thuật gây mê lưu lượng thấp	x	x	x	
33	67	Kỹ thuật gây mê tĩnh mạch với etomidate, ketamine, propofol, thiopental	x	x	x	
34	68	Kỹ thuật gây mê vòng kín có vôi soda	x	x	x	
35	97	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
36	98	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphin cách quãng dưới da	x	x	x	
37	99	Kỹ thuật giảm đau bằng dò liều morphin tĩnh mạch	x	x	x	
38	100	Kỹ thuật giảm đau bằng morphin tĩnh mạch theo kiểu PCA	x	x		
39	102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương	x	x	x	
40	105	Kỹ thuật giảm đau bằng tiêm morphinic-thuốc tê theo kiểu PCEA	x	x		
41	113	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ nắn xương	x	x	x	
42	114	Kỹ thuật giảm đau và gây ngủ ngoài phòng phẫu thuật	x	x	x	
43	116	Hô hấp nhân tạo bằng máy trong và sau mê	x	x	x	
44	117	Hô hấp nhân tạo bằng tay với bóng hay ambu trong và sau mê	x	x	x	
45	118	Hút dẫn lưu ngực	x	x	x	
46	119	Hút nội khí quản bằng hệ thống kín	x	x	x	
47	120	Hút nội khí quản hoặc hút mở khí quản	x	x	x	
48	121	Huy động phế nang ở bệnh nhân thở máy	x	x		

49	123	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng	x	x	x	
50	127	Liệu pháp kháng sinh dự phòng trước và sau phẫu thuật	x	x	x	
51	133	Lưu kim luồn tĩnh mạch để tiêm thuốc	x	x	x	
52	135	Mê tĩnh mạch theo TCI	x	x	x	
53	136	Mở khí quản	x	x	x	
54	140	Nội soi khí phế quản ở người bệnh suy thở, thở máy	x	x		
55	141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch	x	x	x	
56	142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày	x	x	x	
57	146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)	x	x	x	
58	147	Phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày	x	x	x	
59	148	Rửa tay phẫu thuật	x	x	x	
60	149	Rửa tay sát khuẩn	x	x	x	
61	150	Săn sóc theo dõi ống thông tiểu	x	x	x	
62	156	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm	x	x	x	
63	158	Theo dõi dẫn cơ bằng máy	x	x	x	
64	165	Theo dõi EtCO ₂	x	x	x	
65	166	Theo dõi Hb tại chỗ	x	x	x	
66	167	Theo dõi Hct tại chỗ	x	x	x	
67	168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy	x	x	x	
68	169	Theo dõi huyết áp xâm lấn bằng máy	x	x	x	
69	173	Theo dõi SpO ₂	x	x	x	
70	175	Theo dõi thân nhiệt bằng máy	x	x	x	
71	176	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui	x	x	x	
72	184	Thở oxy qua mặt nạ	x	x	x	
73	185	Thở oxy qua mũi kín	x	x	x	
74	186	Thở oxy qua ống chữ T	x	x	x	
75	192	Thường qui đặt nội khí quản khó	x	x	x	
76	194	Tiệt trùng dụng cụ phục vụ phẫu thuật, GMHS	x	x	x	
77	195	Truyền dịch thường qui	x	x	x	
78	196	Truyền dịch trong sốc	x	x	x	
79	197	Truyền máu hoặc sản phẩm máu thường qui	x	x	x	
80	198	Truyền máu khối lượng lớn	x	x		
81	199	Truyền máu trong sốc	x	x	x	
82	200	Vận chuyển bệnh nhân nặng ngoại viện	x	x	x	
83	201	Vận chuyển bệnh nhân nặng nội viện	x	x	x	
84	202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức	x	x	x	
85	204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiểu phẫu hoặc buồng bệnh	x	x	x	

86	205	Xác định nhóm máu trước truyền máu tại giường	x	x	x	
		B. GÂY MÊ				
87	209	Gây mê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
88	241	Gây mê nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán	x	x		
89	289	Gây mê phẫu thuật bướu cổ	x	x	x	
90	291	Gây mê phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gãy xương hàm trên dưới	x	x		
91	292	Gây mê phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	x	x	x	
92	295	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		
93	296	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng	x	x		
94	297	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp lấy bướu thòng trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	x	x		
95	298	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng	x	x		
96	299	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp lấy bướu thòng và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp thòng có nội soi hỗ trợ	x	x		
97	300	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	x	x		
98	301	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
99	302	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
100	303	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x		
101	304	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong Basedow	x	x		
102	305	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp và cắt bán phần thùy còn lại trong bướu giáp khổng lồ	x	x		
103	306	Gây mê phẫu thuật cắt 1 thùy tuyến giáp và lấy nhân thùy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x		
104	311	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x	x	
105	312	Gây mê phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	x	x	x	
106	313	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		

107	314	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x		
108	315	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
109	316	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	x	x		
110	317	Gây mê phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hạch vùng đầu mặt cổ	x	x		
111	329	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
112	330	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
113	331	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	x	x		
114	332	Gây mê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
115	350	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm	x	x		
116	351	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt	x	x		
117	352	Gây mê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương	x	x		
118	356	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x		
119	357	Gây mê phẫu thuật cắt đường rò môi dưới	x	x		
120	360	Gây mê phẫu thuật cắt hạ họng thanh quản toàn phần	x			
121	369	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x	
122	370	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính mi mắt	x	x	x	
123	371	Gây mê phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x	
124	372	Gây mê phẫu thuật cắt khối u khẩu cái	x	x		
125	378	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân từ 1 - 3% diện tích cơ thể	x	x	x	
126	379	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân dưới 1% diện tích cơ thể	x	x	x	
127	380	Gây mê phẫu thuật cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	x	x	x	
128	415	Gây mê phẫu thuật cắt novi sắc tố vùng hàm mặt	X	x		
129	418	Gây mê phẫu thuật cắt nửa xương hàm trên hoặc dưới				
130	426	Gây mê phẫu thuật cắt polyp mũi	x	x		
131	446	Gây mê phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vét hạch đầu mặt cổ	x	x		
132	465	Gây mê phẫu thuật cắt thủy tuyến giáp	x	x		

133	477	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ hạ họng - tạo hình thực quản	x	x		
134	483	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		
135	484	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	x	x		
136	485	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
137	486	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
138	487	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp không lồ	x	x		
139	488	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	x	x		
140	489	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông	x	x		
141	490	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x		
142	491	Gây mê phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x		
143	511	Gây mê phẫu thuật cắt túi thừa thực quản cổ	x	x		
144	516	Gây mê phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII	x	x		
145	526	Gây mê phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x	
146	527	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	x	x		
147	528	Gây mê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
148	529	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x		
149	530	Gây mê phẫu thuật cắt u da mi không ghép	x	x		
150	531	Gây mê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khí quản	x	x		
151	532	Gây mê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi	x	x		
152	533	Gây mê phẫu thuật cắt u dây thần kinh số VIII	x			
153	534	Gây mê phẫu thuật cắt u dây V / u dây VIII	x			
154	539	Gây mê phẫu thuật cắt u hốc mũi	x			
155	540	Gây mê phẫu thuật cắt u họng thanh quản bằng laser	x			
156	544	Gây mê phẫu thuật cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x	x	
157	546	Gây mê phẫu thuật cắt u lành tính vùng mũi dưới 2cm	x	x		
158	548	Gây mê phẫu thuật cắt u lưỡi	x	x		

159	560	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
160	561	Gây mê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
161	565	Gây mê phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi	x	x		
162	566	Gây mê phẫu thuật cắt u nang giáp trạng	x	x		
163	569	Gây mê phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x		
164	570	Gây mê phẫu thuật cắt u niêm mạc má	x	x		
165	574	Gây mê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x		
166	575	Gây mê phẫu thuật cắt u sàn miệng, vết hạch	x	x		
167	580	Gây mê phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x		
168	581	Gây mê phẫu thuật cắt u thần kinh	x	x		
169	593	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x		
170	594	Gây mê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai	x	x		
171	601	Gây mê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x		
172	602	Gây mê phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x		
173	603	Gây mê phẫu thuật cắt u xương lành	x	x	x	
174	607	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.	x	x		
175	610	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình	x	x		
176	613	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư hốc mắt đã xâm lấn các xoang xoang hàm, xoang sàng ...	x	x		
177	614	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vật cơ da	x	x		
178	615	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vết hạch và tạo hình bằng vật từ xa	x	x		
179	616	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vết hạch cổ	x	x		
180	625	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vòm khẩu cái	x	x		
181	627	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vết hạch dưới hàm và hạch cổ	x	x		
182	628	Gây mê phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vết hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
183	632	Gây mê phẫu thuật cắt, nạo vết hạch cổ tiết căn	x	x		
184	633	Gây mê phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	x	x	x	
185	643	Gây mê phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ	x	x		
186	656	Gây mê phẫu thuật chuyển vật da cần có cuống mạch nuôi	x	x		
187	667	Gây mê phẫu thuật có sóc	x	x		
188	669	Gây mê phẫu thuật đa chấn thương	x	x		
189	675	Gây mê phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x		

190	691	Gây mê phẫu thuật đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt	x	x		
191	716	Gây mê phẫu thuật điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x			
192	717	Gây mê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân	x			
193	719	Gây mê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x			
194	747	Gây mê phẫu thuật điều trị sẹo hẹp khí quản cổ - ngực cao	x			
195	798	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm tuyến mang tai bằng bơm rửa thuốc qua lỗ ống tuyến	x	x	x	
196	799	Gây mê phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x		
197	823	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng	x	x		
198	824	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy qua xoang trán	x	x		
199	825	Gây mê phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy sau phẫu thuật các thương tổn nền sọ	x	x		
200	866	Gây mê phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x	
201	899	Gây mê phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x	
202	1117	Gây mê phẫu thuật loại 3	x	x	x	
203	1162	Gây mê phẫu thuật nâng sàn hốc mắt	x	x		
204	1163	Gây mê phẫu thuật nạo vét hạch cổ	x	x		
205	1191	Gây mê phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	x	x		
206	1192	Gây mê phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ	x	x		
207	1196	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
208	1197	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
209	1198	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp	x	x		
210	1202	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp	x	x		
211	1203	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
212	1204	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		

213	1205	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp	x	x		
214	1215	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ	x	x		
215	1293	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	x	x		
216	1356	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng	x	x		
217	1368	Gây mê phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	x	x		
218	1408	Gây mê phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ	x	x		
219	1431	Gây mê phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt	x	x		
220	1434	Gây mê phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	x	x		
221	1435	Gây mê phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x		
222	1491	Gây mê phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi – màng phổi	x	x		
223	1522	Gây mê phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x		
224	1524	Gây mê phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt	x	x		
225	1538	Gây mê phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi	x	x		
226	1584	Gây mê phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm	x	x		
227	1592	Gây mê phẫu thuật nội soi vùng nền sọ	x	x		
228	1594	Gây mê phẫu thuật nội soi xoang bướm – trán	x			
229	1598	Gây mê phẫu thuật nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x		
230	1616	Gây mê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	x	x		
		C. HỒI SỨC				
231	1627	Hồi sức các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
232	1709	Hồi sức phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gãy xương hàm trên dưới	x	x		
233	1710	Hồi sức phẫu thuật cầm máu lại tuyến giáp	x	x	x	
234	1713	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		
235	1714	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông	x	x		
236	1715	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	x	x		
237	1716	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông	x	x		

238	1717	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông có nội soi hỗ trợ	x	x		
239	1718	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp không lồ	x	x		
240	1719	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
241	1720	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
242	1721	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x		
243	1722	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong Basedow	x	x		
244	1723	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp không lồ	x	x		
245	1724	Hồi sức phẫu thuật cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x		
246	1729	Hồi sức phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x	x	
247	1730	Hồi sức phẫu thuật cắt amidan ở trẻ em	x	x	x	
248	1731	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
249	1732	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	x	x		
250	1733	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
251	1734	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	x	x		
252	1735	Hồi sức phẫu thuật cắt bán phần hay toàn phần do nang tuyến giáp, ung thư tuyến giáp có hoặc không kèm theo nạo vét hạch vùng đầu mặt cổ	x	x		
253	1747	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
254	1748	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
255	1749	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	x	x		
256	1750	Hồi sức phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
257	1768	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh dưới hàm	x	x		
258	1769	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt	x	x		

259	1770	Hồi sức phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương	x	x		
260	1774	Hồi sức phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x		
261	1778	Hồi sức phẫu thuật cắt hạ họng thanh quản toàn phần	x			
262	1787	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính dưới 5cm	x	x	x	
263	1789	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u da lành tính trên 5cm	x	x	x	
264	1790	Hồi sức phẫu thuật cắt khối u khẩu cái	x	x		
265	1833	Hồi sức phẫu thuật cắt novi sắc tố vùng hàm mặt	x	x		
266	1836	Hồi sức phẫu thuật cắt nửa xương hàm trên hoặc dưới				
267	1844	Hồi sức phẫu thuật cắt polyp mũi	x	x		
268	1864	Hồi sức phẫu thuật cắt thanh quản bán phần, toàn phần có hoặc không nạo vét hạch đầu mặt cổ	x	x		
269	1871	Hồi sức phẫu thuật cắt thực quản, hạ họng, thanh quản	x	x		
270	1883	Hồi sức phẫu thuật cắt thùy tuyến giáp	x	x		
271	1900	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		
272	1901	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp	x	x		
273	1902	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong Basedow	x	x		
274	1903	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
275	1904	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
276	1905	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	x	x		
277	1906	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòong có nội soi hỗ trợ	x	x		
278	1907	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thòong	x	x		
279	1908	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	x	x		
280	1909	Hồi sức phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x		
281	1934	Hồi sức phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII	x	x		
282	1944	Hồi sức phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x	
283	1945	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	x	x		
284	1946	Hồi sức phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
285	1949	Hồi sức phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khí quản	x	x		

286	1950	Hồi sức phẫu thuật cắt u đáy lưỡi	x	x		
287	1951	Hồi sức phẫu thuật cắt u dây thần kinh số VIII	x			
288	1952	Hồi sức phẫu thuật cắt u dây V / u dây VIII	x			
289	1957	Hồi sức phẫu thuật cắt u hốc mũi	x			
290	1958	Hồi sức phẫu thuật cắt u họng thanh quản bằng laser	x			
291	1964	Hồi sức phẫu thuật cắt u lạnh tính vùng mũi dưới 2cm	x	x		
292	1966	Hồi sức phẫu thuật cắt u lưỡi	x	x		
293	1978	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
294	1979	Hồi sức phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
295	1983	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi	x	x		
296	1984	Hồi sức phẫu thuật cắt u nang giáp trạng	x	x		
297	1987	Hồi sức phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x		
298	1988	Hồi sức phẫu thuật cắt u niêm mạc má	x	x		
299	1992	Hồi sức phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x		
300	1998	Hồi sức phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x		
301	1999	Hồi sức phẫu thuật cắt u thần kinh	x	x		
302	2011	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x		
303	2012	Hồi sức phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai	x	x		
304	2019	Hồi sức phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x		
305	2020	Hồi sức phẫu thuật cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x		
306	2021	Hồi sức phẫu thuật cắt u xương lành	x	x	x	
307	2025	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.	x	x		
308	2028	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư da đầu, mặt có tạo hình	x	x		
309	2031	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư hốc mắt đã xâm lấn các xoang xoang hàm, xoang sàng ...	x	x		
310	2032	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi có tái tạo vật cơ da	x	x		
311	2033	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vật từ xa	x	x		
312	2034	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư lưỡi và vét hạch cổ	x	x		
313	2035	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	x	x		
314	2045	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ	x	x		
315	2046	Hồi sức phẫu thuật cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
316	2050	Hồi sức phẫu thuật cắt, nạo vét hạch cổ tiết căn	x	x		
317	2051	Hồi sức phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	x	x	x	

318	2061	Hồi sức phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ	x	x		
319	2069	Hồi sức phẫu thuật chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x		
320	2074	Hồi sức phẫu thuật chuyển vật da cân có cuống mạch nuôi	x	x		
321	2284	Hồi sức phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x	
322	2085	Hồi sức phẫu thuật có sóc	x	x		
323	2087	Hồi sức phẫu thuật đa chấn thương	x	x		
324	2093	Hồi sức phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x		
325	2101	Hồi sức phẫu thuật đặt ống silicon lệ quản – ống lệ mũi	x	x		
326	2127	Hồi sức phẫu thuật điều trị can sai xương gò má	x	x		
327	2134	Hồi sức phẫu thuật điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x			
328	2135	Hồi sức phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân	x			
329	2136	Hồi sức phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế	x			
330	2137	Hồi sức phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x			
331	2154	Hồi sức phẫu thuật điều trị khuyết hồng phần mềm vùng hàm mặt bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
332	2165	Hồi sức phẫu thuật điều trị sẹo hẹp khí quản cổ - ngực cao	x			
333	2208	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	x	x		
334	2209	Hồi sức phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
335	2213	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp	x	x		
336	2217	Hồi sức phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x		
337	2239	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tăng trước nền sọ bằng đường qua xoang bướm	x	x		
338	2242	Hồi sức phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy qua xoang trán	x	x		
339	2290	Hồi sức phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x		
340	2300	Hồi sức phẫu thuật giải ép vi mạch cho dây thần kinh số V	x	x		

341	2301	Hồi sức phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)	x	x		
342	2317	Hồi sức phẫu thuật khâu da thì II	x	x		
343	2328	Hồi sức phẫu thuật KHX điều trị gãy xương chính mũi bằng các vật liệu thay thế	x	x	x	
344	2444	Hồi sức phẫu thuật lại ung thư, gỡ dính.	x	x		
345	2471	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ	x	x		
346	2476	Hồi sức phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x	x	
347	2531	Hồi sức phẫu thuật lấy xương chết, nạo rò điều trị viêm xương hàm	x	x	x	
348	2535	Hồi sức phẫu thuật loại 3	x	x		
349	2575	Hồi sức phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x		
350	2581	Hồi sức phẫu thuật nạo vét hạch cổ	x	x		
351	2609	Hồi sức phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	x	x		
352	2610	Hồi sức phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ	x	x		
353	2613	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp + eo giáp	x	x		
354	2614	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
355	2615	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
356	2616	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp	x	x		
357	2620	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp	x	x		
358	2621	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
359	2622	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
360	2623	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp	x	x		
361	2633	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ	x	x		
362	2744	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên	x	x		
363	2745	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
364	2746	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		

365	2747	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.	x	x		
366	2748	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp	x	x		
367	2774	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng	x	x		
368	2786	Hồi sức phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	x	x		
369	2849	Hồi sức phẫu thuật nội soi ghép thần kinh điều trị liệt mặt	x	x		
370	2852	Hồi sức phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	x	x		
371	2940	Hồi sức phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x		
372	2942	Hồi sức phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt	x	x		
373	2956	Hồi sức phẫu thuật nội soi nối thông lệ mũi	x	x		
374	3002	Hồi sức phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm	x			
375	3012	Hồi sức phẫu thuật nội soi xoang bướm – trán	x	x		
376	3016	Hồi sức phẫu thuật nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x		
377	3032	Hồi sức phẫu thuật vá vỡ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)	x	x		
378	3034	Hồi sức phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	x	x		
		D. GÂY TÊ				
379	3045	Gây tê các phẫu thuật áp xe vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
380	3111	Gây tê phẫu thuật các trường hợp chấn thương vùng đầu mặt cổ: chấn thương chính mũi, chấn thương các xoang hàm, sàng, chấn gãy xương hàm trên dưới	x	x		
381	3131	Gây tê phẫu thuật cắt amidan ở người lớn	x	x	x	
382	3149	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
383	3150	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
384	3151	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	x	x		
385	3152	Gây tê phẫu thuật cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
386	3171	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh ổ mắt	x	x		
387	3172	Gây tê phẫu thuật cắt dây thần kinh V nhánh thái dương	x	x		
388	3176	Gây tê phẫu thuật cắt đường rò luân nhĩ	x	x		
389	3192	Gây tê phẫu thuật cắt khối u khẩu cái	x	x		
390	3235	Gây tê phẫu thuật cắt novi sắc tố vùng hàm mặt	X	x		
391	3246	Gây tê phẫu thuật cắt polyp mũi	x	x		

392	3336	Gây tê phẫu thuật cắt tuyến nước bọt mang tai bảo tồn thần kinh VII	x	x		
393	3346	Gây tê phẫu thuật cắt u da đầu	x	x	x	
394	3347	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vành tai	x	x		
395	3348	Gây tê phẫu thuật cắt u da lành tính vùng da đầu dưới 2cm	x	x	x	
396	3351	Gây tê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi và mở khí quản	x	x		
397	3352	Gây tê phẫu thuật cắt u đáy lưỡi	x	x		
398	3353	Gây tê phẫu thuật cắt u dây thần kinh số VIII	x			
399	3354	Gây tê phẫu thuật cắt u dây V / u dây VIII	x			
400	3359	Gây tê phẫu thuật cắt u hốc mũi	x			
401	3360	Gây tê phẫu thuật cắt u họng thanh quản bằng laser	x			
402	3380	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ phần mềm	x	x	x	
403	3381	Gây tê phẫu thuật cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x	x	
404	3385	Gây tê phẫu thuật cắt u nang giáp lưỡi	x	x		
405	3389	Gây tê phẫu thuật cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x		
406	3390	Gây tê phẫu thuật cắt u niêm mạc má	x	x		
407	3394	Gây tê phẫu thuật cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x		
408	3395	Gây tê phẫu thuật cắt u sàn miệng, vết hạch	x	x		
409	3400	Gây tê phẫu thuật cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x		
410	3401	Gây tê phẫu thuật cắt u thần kinh	x	x		
411	3414	Gây tê phẫu thuật cắt u tuyến nước bọt mang tai	x	x		
412	3421	Gây tê phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x		
413	3427	Gây tê phẫu thuật cắt ung thư amidan/thanh quản.	x	x		
414	3452	Gây tê phẫu thuật cắt, nạo vết hạch cổ tiết căn	x	x		
415	3453	Gây tê phẫu thuật chấn thương không sóc hoặc sóc nhẹ	x	x	x	
416	3463	Gây tê phẫu thuật chỉnh hình vùng đầu mặt cổ	x	x		
417	3487	Gây tê phẫu thuật có sóc	x	x		
418	3495	Gây tê phẫu thuật dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x		
419	3536	Gây tê phẫu thuật điều trị cơn đau thần kinh V ngoại biên	x			
420	3537	Gây tê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép sụn xương tự thân	x			
421	3538	Gây tê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt có ghép vật liệu thay thế	x			
422	3539	Gây tê phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	x			
423	3613	Gây tê phẫu thuật điều trị vết thương vùng hàm mặt do hoá khí	x	x		

424	3619	Gây tê phẫu thuật điều trị viêm xoang hàm do răng	x	x		
425	3686	Gây tê phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x	
426	3692	Gây tê phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x		
427	3719	Gây tê phẫu thuật khâu da thì II	x	x	x	
428	3890	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật thực quản đường cổ	x	x		
429	3895	Gây tê phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x		
430	3909	Gây tê phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	x	x		
431	3953	Gây tê phẫu thuật loại 3	x	x	x	
432	3993	Gây tê phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm	x	x		
433	4027	Gây tê phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	x	x		
434	4028	Gây tê phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ	x	x		
435	4031	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp + eo giáp	x	x		
436	4032	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
437	4033	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
438	4034	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt 1 thủy tuyến giáp	x	x		
439	4038	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp	x	x		
440	4039	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
441	4040	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
442	4041	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp	x	x		
443	4192	Gây tê phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai mũi họng	x	x		
444	4270	Gây tê phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	x	x		
445	4271	Gây tê phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x		
446	4358	Gây tê phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x		
447	4430	Gây tê phẫu thuật nội soi xoang bướm – trán	x			
448	4452	Gây tê phẫu thuật viêm sụn vành tai, dị tật vành tai	x	x		
		D. AN THẦN				
449	4460	An thần bệnh nhân khi chụp hình ở khoa chẩn đoán hình ảnh	x	x	x	
450	4464	An thần bệnh nhân nội soi khí phế quản	x	x	x	
451	4466	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi sức	x	x	x	

452	4467	An thần cho bệnh nhân nằm ở hồi tỉnh	x	x	x	
453	4475	An thần nội soi gấp dị vật đường thở	x	x		
454	4483	An thần nội soi phế quản sinh thiết chẩn đoán	x	x		
455	4505	An thần phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật	x	x		
456	4506	An thần phẫu thuật nội soi căng da trán, căng da mặt, căng da cổ	x	x		
457	4538	An thần phẫu thuật nội soi dẫn lưu áp xe tồn lưu	x	x		
458	4680	An thần phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x		
459	4683	An thần phẫu thuật nội soi mũi xoang điều trị gãy xương hàm mặt	x	x		
460	4736	An thần phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong	x	x		
461	4742	An thần phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm	x	x		
462	4750	An thần phẫu thuật nội soi xoang bướm - trán	x	x		
463	4760	An thần sau phẫu thuật chấn thương không sốc hoặc sốc nhẹ	x	x	x	
		XII. UNG BƯỚU				
		Đ. TAI - MŨI - HỌNG				
1	117	Cắt u thành họng bên có nạo hoặc không nạo hạch cổ	x	x		
2	118	Cắt u vùng họng miệng có tạo hình	x	x		
3	131	Cắt toàn bộ thanh quản và một phần họng có vét hạch hệ thống	x	x		
4	132	Phẫu thuật ung thư thanh môn có bảo tồn thanh quản	x	x		
5	133	Rút ống nong thanh khí quản - cắt tổ chức sùi thanh khí quản	x	x		
6	134	Cắt u hạ họng qua đường cổ bên	x	x		
7	146	Cắt ung thư tai - xương chũm và nạo vét hạch	x	x		
8	157	Cắt u nhái sàn miệng	x	x		
9	163	Cắt u xương ống tai ngoài	x	x		
		XV. TAI – MŨI – HỌNG				
		A. TAI - TAI THẦN KINH				
1	1	Cấy điện cực ốc tai (Cấy ốc tai điện tử)	x	x		
2	2	Phẫu thuật cấy máy trợ thính đường xương (BAHA)	x	x		
3	3	Phẫu thuật đặt điện cực tai giữa	x	x		
4	4	Phẫu thuật khoét mê nhĩ	x	x		
5	5	Phẫu thuật mở túi nội dịch	x	x		
6	6	Phẫu thuật điều trị rò mê nhĩ	x	x		

7	7	Phẫu thuật điều trị rò dịch não tủy ở tai	x	x		
8	8	Phẫu thuật vùng đỉnh xương đá	x	x		
9	9	Phẫu thuật cắt u dây thần kinh VII	x	x		
10	10	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây VII	x	x		
11	11	Phẫu thuật giảm áp dây VII	x	x		
12	12	Phẫu thuật cắt u dây thần kinh VIII	x	x		
13	13	Phẫu thuật cắt dây thần kinh tiền đình	x	x		
14	15	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe não do tai	x	x		
15	16	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não	x	x		
16	17	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	x	x		
17	18	Phẫu thuật xương chũm trong áp xe não do tai	x	x		
18	19	Phẫu thuật thay thế xương bàn đạp	x	x		
19	20	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần	x	x		
20	21	Phẫu thuật tiết căn xương chũm	x	x		
21	22	Phẫu thuật nội soi tiết căn xương chũm	x	x		
22	23	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên	x	x		
23	24	Phẫu thuật nội soi tiết căn xương chũm cải biên	x	x		
24	25	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa	x	x		
25	26	Phẫu thuật chỉnh hình hốc mỏ tiết căn xương chũm	x	x		
26	27	Mở sào bào	x	x		
27	28	Mở sào bào - thượng nhĩ	x	x		
28	29	Mở sào bào thượng nhĩ - vá nhĩ	x	x		
29	30	Phẫu thuật tạo hình tai giữa	x	x		
30	31	Chỉnh hình tai giữa có tái tạo chuỗi xương con	x	x		
31	32	Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con	x	x		
32	33	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/ lấy dị vật	x	x	x	
33	34	Vá nhĩ đơn thuần	x	x	x	
34	35	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	x	x	x	
35	36	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ	x	x		
36	37	Phẫu thuật chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV	x	x		
37	38	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV	x	x		
38	39	Phẫu thuật lấy u thần kinh thính giác đường xuyên mê nhĩ	x	x		
39	40	Phẫu thuật cắt bỏ u cuộn cảnh	x	x		
40	41	Phẫu thuật tạo hình ống tai ngoài thiếu sản	x	x		
41	42	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài	x	x		
42	43	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài	x	x		
43	44	Mở lại hốc mỏ giải quyết các biến chứng sau phẫu thuật	x	x		
44	45	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu da tai	x	x	x	

45	46	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x	
46	47	Cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
47	48	Đặt ống thông khí màng nhĩ	x	x	x	
48	49	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	x	x	x	
49	50	Chích rạch màng nhĩ	x	x	x	
50	51	Khâu vết rách vành tai	x	x	x	
51	52	Bơm hơi vòi nhĩ	x	x	x	
52	53	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x	
53	54	Lấy dị vật tai (gậy mê/ gậy tê)	x	x	x	
54	55	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	x	x	x	
55	56	Chọc hút dịch vành tai	x	x	x	x
56	57	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	x
57	58	Làm thuốc tai	x	x	x	x
58	59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	x	x	x	x
		B. MŨI-XOANG				
59	60	Phẫu thuật cắt thần kinh Vidienne	x	x		
60	61	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh Vidienne	x	x		
61	62	Phẫu thuật nội soi vùng chân bướm hàm	x	x		
62	63	Phẫu thuật vùng hố dưới thái dương	x	x		
63	64	Phẫu thuật nội soi thắt/ đốt động mạch bướm khẩu cái	x	x		
64	65	Phẫu thuật thắt động mạch hàm trong	x	x		
65	66	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong	x	x		
66	67	Phẫu thuật thắt động mạch sàng	x	x		
67	68	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch sàng	x	x		
68	69	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe ổ mắt	x	x		
69	70	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x		
70	71	Phẫu thuật nội soi giảm áp thần kinh thị giác	x	x		
71	72	Phẫu thuật bíт lấp rò dịch não tủy ở mũi	x	x		
72	73	Phẫu thuật nội soi bíт lấp rò dịch não tủy ở mũi	x	x		
73	74	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)	x	x		
74	75	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	x	x		
75	76	Phẫu thuật nạo sàng hàm	x	x	x	
76	77	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	x	x	x	
77	78	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	x	x	x	
78	79	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	x	x	x	
79	80	Cắt Polyp mũi	x	x	x	
80	81	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	x	x	x	
81	82	Phẫu thuật cắt polyp mũi bằng Laser	x	x		
82	83	Phẫu thuật nội soi mở khe giữa	x	x	x	

83	84	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	x	x		
84	85	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang	x	x	x	
85	86	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi	x	x	x	
86	87	Phẫu thuật ung thư sàng hàm	x	x		
87	88	Phẫu thuật cắt phần giữa xương hàm trong ung thư sàng hàm	x	x		
88	89	Phẫu thuật ung thư sàng hàm phối hợp nội soi	x	x		
89	90	Phẫu thuật mở cạnh mũi	x	x		
90	91	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang	x	x		
91	92	Phẫu thuật cắt u xơ mạch vòm họng theo đường ngoài	x	x		
92	93	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ mạch vòm mũi họng	x	x		
93	94	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	x	x		
94	95	Phẫu thuật nội soi cắt u tuyến yên qua đường mũi	x	x		
95	96	Phẫu thuật nội soi cắt u thần kinh khứu giác	x	x		
96	97	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	x	x		
97	98	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	x	x	x	
98	99	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	x	x	x	
99	100	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng Laser	x	x		
100	101	Phẫu thuật tịt lỗ mũi sau bẩm sinh	x	x		
101	102	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang	x	x		
102	103	Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi	x	x		
103	104	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	x	x	x	
104	105	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	x	x	x	
105	106	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	x	x	x	
106	107	Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần (Coblator)	x	x	x	
107	108	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng Laser	x	x	x	
108	109	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	x	x	x	
109	110	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	x	x	x	
110	111	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	x	x	x	
111	112	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	x	x	x	
112	113	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	x	x		
113	114	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	x	x		
114	115	Khoan xoang trán	x	x		
115	116	Phẫu thuật vỡ xoang hàm	x	x		
116	117	Phẫu thuật mở xoang hàm	x	x		
117	118	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng- hàm	x	x		
118	119	Phẫu thuật chỉnh hình ổ mắt	x	x		

119	120	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên	x	x		
120	121	Phẫu thuật chấn thương xương gò má	x	x		
121	122	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng	x	x		
122	123	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	x	x		
123	124	Phẫu thuật kết hợp xương trong chấn thương sọ mặt	x	x		
124	125	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	x	x	x	
125	126	Phẫu thuật nội soi nong- dẫn lưu túi lệ	x	x		
126	127	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	x	x	x	
127	128	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	x	x	x	
128	129	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm gây tê/gây mê	x	x	x	
129	130	Đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
130	131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
131	132	Bẻ cuốn mũi	x	x	x	
132	133	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới	x	x	x	
133	134	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	x	x	x	
134	135	Sinh thiết hốc mũi	x	x	x	
135	136	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	x	x	x	
136	137	Nội soi sinh thiết u vòm	x	x	x	
137	138	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
138	139	Phương pháp Proetz	x	x	x	
139	140	Nhét bắc mũi sau	x	x	x	
140	141	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	
141	142	Cầm máu mũi bằng Merocel	x	x	x	
142	143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
143	144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
144	145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x	x	x	x
145	146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x
146	147	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	x	x	x	x
		C. HỌNG -THANH QUẢN				
147	148	Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)	x	x		
148	149	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê	x	x	x	
149	150	Phẫu thuật cắt amidan bằng Coblator	x	x	x	
150	151	Phẫu thuật cắt u Amydal	x	x		
151	152	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)	x	x	x	
152	153	Nạo VA	x	x	x	
153	154	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	x	x	x	
154	155	Phẫu thuật nạo V.A nội soi	x	x		
155	156	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Coblator (gây mê)	x	x	x	

156	157	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Microdebrider (Hummer) (gây mê)	x	x	x	
157	158	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	x	x		
158	159	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/ hồ lưỡi thanh thiệt	x	x		
159	160	Phẫu thuật dính mép trước dây thanh	x	x		
160	161	Phẫu thuật nội soi tách dính dây thanh	x	x		
161	162	Phẫu thuật nội soi bơm dây thanh (mỡ/Teflon...)	x	x		
162	163	Phẫu thuật chỉnh hình thanh quản điều trị liệt dây thanh	x	x		
163	164	Phẫu thuật điều trị liệt cơ mở thanh quản hai bên	x	x		
164	165	Phẫu thuật treo sụn phễu	x	x		
165	166	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	x	x	x	
166	167	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xơ/u hạt dây thanh bằng ống soi mềm gây tê	x	x		
167	168	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papiloma, kén hơi thanh quản,...) (gây tê/gây mê)	x	x		
168	169	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Microdebrider (Hummer)	x	x	x	
169	170	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Laser	x	x	x	
170	171	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư thanh quản bằng Laser	x	x		
171	172	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh	x	x		
172	173	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh bằng laser	x	x		
173	174	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	x	x	x	
174	175	Phẫu thuật mở khí quản thể khó (trẻ sơ sinh, sau xạ trị, u vùng cổ, K tuyến giáp,...)	x	x		
175	176	Phẫu thuật nội soi cắt u khí quản ống cứng gây tê/gây mê	x	x		
176	177	Phẫu thuật nội soi cắt u khí quản ống mềm gây tê/gây mê	x	x		
177	178	Phẫu thuật nội soi cắt u phế quản ống cứng gây tê/gây mê	x	x		
178	179	Phẫu thuật nội soi cắt u phế quản ống mềm gây tê/gây mê	x	x		
179	180	Phẫu thuật nong hẹp thanh khí quản có stent	x	x		
180	181	Phẫu thuật nong hẹp thanh khí quản không có stent	x	x		
181	182	Phẫu thuật nội soi nong hẹp thanh khí quản có stent	x	x		
182	183	Phẫu thuật nội soi nong hẹp thanh khí quản không có stent	x	x		
183	184	Phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp thanh khí quản bằng đặt ống nong	x	x		
184	185	Phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp thanh khí quản bằng mảnh ghép sụn	x	x		
185	186	Nối khí quản tận - tận	x	x		
186	187	Phẫu thuật trong mềm sụn thanh quản	x	x		

187	188	Kỹ thuật đặt van phát âm	x	x		
188	189	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản	x	x		
189	190	Phẫu thuật chỉnh hình thanh quản sau chấn thương	x	x		
190	191	Phẫu thuật chỉnh hình khí quản sau chấn thương	x	x		
191	192	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình khí quản sau chấn thương	x	x		
192	193	Nội soi nong hẹp thực quản	x	x		
193	194	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	x	x	x	
194	195	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	x	x	x	
195	196	Phẫu thuật cắt u lưỡi (phần lưỡi di động)	x	x		
196	197	Phẫu thuật cắt một phần đáy lưỡi	x	x		
197	198	Nội soi nong hẹp thực quản có stent	x	x		
198	199	Nội soi bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản	x	x		
199	200	Nội soi bơm rửa khí phế quản	x	x		
200	201	Phẫu thuật Laser điều trị Amygdale hốc mủ	x	x		
201	202	Phẫu thuật Laser cắt u nang lạnh tính đáy lưỡi, hạ họng, màn hầu, Amygdale	x	x		
202	203	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản	x	x		
203	206	Chích áp xe sàn miệng	x	x	x	
204	207	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
205	208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	x	x	x	
206	209	Cắt phanh lưỡi	x	x	x	
207	210	Sinh thiết u hạ họng	x	x	x	
208	211	Sinh thiết u họng miệng	x	x	x	
209	212	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
210	213	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
211	214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	x	x	x	
212	215	Đốt họng hạt bằng nhiệt	x	x	x	x
213	216	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	x	x	x	x
214	217	Áp lạnh Amidan (Nitơ, CO2 lỏng)	x	x	x	x
215	218	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
216	219	Đặt nội khí quản	x	x	x	
217	220	Thay canuyn	x	x	x	
218	221	Sơ cứu bóng đường hô hấp	x	x	x	x
219	222	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
220	223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	x	x	x	
221	224	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	x	x	x	
222	225	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản	x	x	x	
223	226	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	x	x	x	

224	227	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x	x	
225	228	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
226	229	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x	x	
227	230	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x	
228	231	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x	x	
229	232	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x	x	
230	233	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x	x	
231	234	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
232	235	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
233	236	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x	
234	237	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x	
235	238	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	x	x	x	
236	239	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x	x	
237	240	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
238	241	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x	x	
239	242	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x	
240	243	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x	x	
241	244	Nội soi khí quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x		
242	245	Nội soi khí quản ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x		
243	246	Nội soi khí quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x		
244	247	Nội soi khí quản ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x		
245	248	Nội soi khí quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x		
246	249	Nội soi khí quản ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x		
247	250	Nội soi phế quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x		
248	251	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x		
249	252	Nội soi phế quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x		
250	253	Nội soi phế quản ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x		
251	254	Nội soi phế quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x		
252	255	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x		
		D. ĐẦU CỔ				
253	256	Phẫu thuật khâu nối thần kinh ngoại biên vùng mặt cổ	x	x		
254	257	Phẫu thuật thắt động mạch cảnh ngoài	x	x		
255	258	Phẫu thuật thắt tĩnh mạch cảnh trong	x	x		
256	259	Phẫu thuật chấn thương mạch máu vùng cổ	x	x		
257	260	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây thần kinh VII (đoạn ngoài sọ)	x	x		
258	261	Phẫu thuật nối dây thần kinh VII trong xương chũm	x	x		
259	262	Phẫu thuật vùng chân bướm hàm	x	x		

260	263	Phẫu thuật cắt u đáy lưỡi/hạ họng theo đường mở xương hàm dưới có tái tạo	x	x		
261	264	Phẫu thuật cắt u đáy lưỡi/hạ họng theo đường mở xương hàm dưới không có tái tạo	x	x		
262	265	Phẫu thuật cắt u hạ họng/đáy lưỡi theo đường trên xương móng	x	x		
263	266	Phẫu thuật tạo hình họng – màn hầu bằng vật cơ – niêm mạc thành sau họng	x	x		
264	267	Phẫu thuật phục hồi tổn thương phức tạp miệng, họng bằng vật cân cơ	x	x		
265	268	Phẫu thuật tạo hình họng - màn hầu sau cắt u ác tính	x	x		
266	269	Phẫu thuật tạo hình lưỡi sau cắt u ác tính	x	x		
267	270	Phẫu thuật tạo hình họng-thực quản sau cắt u ác tính	x	x		
268	271	Phẫu thuật cắt hạ họng bán phần	x	x		
269	272	Phẫu thuật cắt hạ họng - thanh quản bán phần có tạo hình	x	x		
270	273	Phẫu thuật cắt hạ họng - thanh quản toàn phần	x	x		
271	274	Phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần	x	x		
272	275	Phẫu thuật cắt thanh quản bán phần đứng	x	x		
273	276	Phẫu thuật cắt thanh quản bán phần ngang trên thanh môn	x	x		
274	277	Phẫu thuật cắt bán phần thanh quản trên nhãn kiểu CHEP	x	x		
275	278	Phẫu thuật mở sụn giáp cắt dây thanh	x	x		
276	279	Nạo vét hạch cổ tiết căn	x	x		
277	280	Nạo vét hạch cổ chọn lọc	x	x		
278	281	Nạo vét hạch cổ chức năng	x	x		
279	282	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai-bảo tồn dây VII	x	x		
280	283	Phẫu thuật cắt tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII	x	x		
281	284	Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm	x	x		
282	285	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần	x	x		
283	286	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần	x	x		
284	287	Phẫu thuật cắt thùy giáp	x	x		
285	288	Phẫu thuật cắt mỏm trâm theo đường miệng	x	x		
286	289	Phẫu thuật khối u khoang bên họng	x	x		
287	290	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe	x	x		
288	291	Phẫu thuật rò sống mũi	x	x		
289	292	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi	x	x		
290	293	Phẫu thuật rò khe mang I	x	x		
291	294	Phẫu thuật rò khe mang I có bọc lộ dây VII	x	x		
292	295	Phẫu thuật lấy nang rò khe mang II	x	x		

293	296	Phẫu thuật rò xoang lê	x	x		
294	297	Phẫu thuật túi thừa Zenker	x	x		
295	298	Phẫu thuật cắt kén hơi thanh quản	x	x		
296	299	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ	x	x	x	
297	300	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	x	x	x	
298	301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	x
299	302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x
300	303	Thay băng vết mổ	x	x	x	x
301	304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	x
		D. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ				
302	305	Phẫu thuật thẩm mỹ cấy ghép tóc	x	x		
303	306	Phẫu thuật thẩm mỹ căng da trán	x	x		
304	307	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cung lông mày	x	x		
305	308	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng sống mũi lõm bằng vật liệu ghép tự thân	x	x		
306	309	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng sống mũi lõm bằng vật liệu ghép tổng hợp	x	x		
307	310	Phẫu thuật thẩm mỹ hạ sống mũi gồ	x	x		
308	311	Phẫu thuật thẩm mỹ sống mũi lệch vẹo	x	x		
309	312	Phẫu thuật thẩm mỹ thu nhỏ cánh mũi	x	x		
310	313	Phẫu thuật thẩm mỹ mở rộng cánh mũi	x	x		
311	314	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cao chóp mũi	x	x		
312	315	Phẫu thuật thẩm mỹ làm ngắn mũi	x	x		
313	316	Phẫu thuật thẩm mỹ làm dài mũi/xóa bỏ mũi hếch	x	x		
314	317	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cánh mũi xệ	x	x		
315	318	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng vật da	x	x		
316	319	Phẫu thuật tạo hình chóp mũi bằng vật da	x	x		
317	320	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật liệu ghép tự thân	x	x		
318	321	Nắn chỉnh hình tháp mũi sau chấn thương				
319	322	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp cửa mũi trước	x	x		
320	323	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp/tịt cửa mũi sau	x	x		
321	324	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí	x	x		
322	325	Phẫu thuật cắt bỏ các túi mỡ mí mắt	x	x		
323	326	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mí mắt	x	x		
324	327	Phẫu thuật tái tạo hình tổn thương mất chất vùng mặt bằng vật da, cân cơ, xương	x	x		
325	328	Phẫu thuật tạo hình tổn thương mất chất vùng mặt bằng mảnh ghép tự do da, cân cơ, xương	x	x		

326	329	Phẫu thuật tạo hình mặt do liệt dây VII	x	x		
327	330	Phẫu thuật tạo hình vùng mặt thiếu sản	x	x		
328	331	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt	x	x		
329	332	Phẫu thuật sửa sẹo xấu vùng cổ, mặt bằng vật da	x	x		
330	333	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cổ	x	x		
331	334	Phẫu thuật căng da cổ	x	x		
332	335	Phẫu thuật tạo hình vá khe hở vòm miệng bằng vật tại chỗ	x	x		
333	336	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng bằng vật thành sau họng	x	x		
334	337	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi	x	x		
335	338	Phẫu thuật tái tạo hình môi	x	x		
336	339	Phẫu thuật thẩm mỹ làm dày môi	x	x		
337	340	Phẫu thuật thẩm mỹ làm mỏng môi	x	x		
338	341	Phẫu thuật thẩm mỹ làm to cằm nhỏ, lẹm	x	x		
339	342	Phẫu thuật thẩm mỹ thu nhỏ cằm to	x	x		
340	343	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cằm	x	x		
341	344	Phẫu thuật thẩm mỹ căng da mặt	x	x		
342	345	Phẫu thuật lấy sụn vành tai làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
343	346	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
344	347	Phẫu thuật lấy sụn sườn làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
345	348	Phẫu thuật mở lại hốc mỏ cầm máu sau phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt cổ	x	x		
346	349	Phẫu thuật mở lại hốc mỏ điều trị tụ dịch sau phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt cổ	x	x		
347	350	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da	x	x		
348	351	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng vật liệu ghép tự thân	x	x		
349	352	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng sụn sườn	x	x		
350	353	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng vật liệu ghép tổng hợp	x	x		
351	354	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật liệu ghép tự thân/ vật liệu ghép tổng hợp	x	x		
352	355	Phẫu thuật chỉnh hình thu nhỏ vành tai	x	x		
353	356	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai cúp	x	x		
354	357	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai vùi	x	x		
355	358	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài (ác tính)	x	x		
356	359	Phẫu thuật cắt Amidan bằng Plasma	x	x	x	
357	360	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Plasma (gây mê)	x	x	x	
358	361	Phẫu thuật cắt u vùng họng miệng	x	x		

359	362	Phẫu thuật lấy bỏ vật liệu ghép	x	x		
360	363	Cắt phanh lưỡi (gây mê)	x	x	x	x
361	364	Phẫu thuật cắt ung thư sàn miệng	x	x		
362	365	Phẫu thuật cắt ung thư vùng họng miệng	x	x		
363	367	Nội soi đường hô hấp và tiêu hóa trên	x	x		
364	368	Trích áp xe vùng đầu cổ	x	x	x	x
365	369	Phẫu thuật nội soi cắt phân giữa xương hàm trên trong ung thư sàng hàm	x	x		
366	370	Phẫu thuật cắt toàn bộ xương hàm trên trong ung thư sàng hàm	x	x		
367	371	Phẫu thuật cắt ung thư Amydal sử dụng dao siêu âm/ dao Ligasure / Laser CO2	x	x		
368	374	Phẫu thuật cắt u lưỡi (phần lưỡi di động) bằng dao siêu âm/Laser CO2	x	x		
369	379	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai- bảo tồn dây VII sử dụng NIM dò tìm dây VII	x	x		
370	384	Phẫu thuật rò khe mang I có bộc lộ dây VII sử dụng NIM dò dây VII	x	x		
371	385	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang xâm lấn nền sọ sử dụng định vị Navigation	x			
372	386	Phẫu thuật nội soi mũi xoang có sử dụng định vị Navigation	x	x		
373	387	Phẫu thuật nội soi cắt u sọ hầu sử dụng định vị Navigation	x			
374	388	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng hố yên sử dụng định vị Navigation	x			
375	390	Phẫu thuật cắt ung thư hốc mắt xâm lấn các xoang mặt	x			
376	391	Phẫu thuật mở cạnh cổ lấy dị vật (dị vật thực quản, hỏa khí...)	x	x		
377	392	Đóng lỗ rò thực quản-khí quản	x	x		
378	393	Phẫu thuật nội soi đóng lỗ rò xoang lê bằng laser/nhiệt	x	x		
379	394	Phẫu thuật rút ống nông/T-tube sau chỉnh hình sọ hẹp thanh/khí quản	x	x		
		E. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
380	395	Cắt u cuộn cảnh	x	x		
381	396	Đo ABR (1 lần)	x	x		
382	397	Đo AOE (1 lần)	x	x		
383	398	Đo sức nghe lời	x	x	x	
384	399	Đo trên ngưỡng	x	x	x	

385	400	Phẫu thuật cắt bỏ u thành bên họng lan lên đáy sọ có kiểm soát bằng kính hiển vi và nội soi	x			
		XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		D. NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU (nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)				
1	104	Tập nuốt	x	x	x	x
2	105	Tập nói	x	x	x	x
3	106	Tập nhai	x	x	x	x
4	107	Tập phát âm	x	x	x	x
5	108	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	x	x	x	x
6	110	Tập luyện giọng	x	x	x	x
7	111	Tập sửa lỗi phát âm	x	x	x	x
		XVIII. ĐIỆN QUANG				
		B.CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
1	1	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	
2	2	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	
3	6	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	
4	7	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	
5	8	Chụp Xquang hàm chéch một bên	x	x	x	
6	9	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x	
7	11	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x	
8	12	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
9	13	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x	
10	14	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
11	19	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x	
12	20	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	
13	21	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	x	x	x	
14	22	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
15	23	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
16	24	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	x	x	x	
17	25	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	
18	27	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	
19	31	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	x	x	x	

20	32	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	
21	33	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chếch	x	x	x	
22	37	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	
23	38	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
24	39	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	
25	40	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	
26	41	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
27	42	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
28	43	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	
29	44	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
30	45	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	
31	46	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
32	47	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
33	48	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	
34	49	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
35	50	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	
36	51	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	
37	52	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	x	x		
38	53	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	
39	54	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	
40	57	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	
41	58	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	
42	59	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	
43	63	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	x	x		
		C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)				
		1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy				
44	83	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
45	84	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
46	85	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
47	87	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
48	88	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
49	89	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
50	90	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
51	92	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
52	93	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
53	94	Chụp CLVT hốc mắt	x	x	x	
54	95	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		

		4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy				
55	125	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
56	126	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
57	127	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x	x	
58	128	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x	x	
59	130	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
60	131	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
		XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		B. TAI MŨI HỌNG				
1	3	Nội soi hạ họng - thanh quản ống cứng chẩn đoán	x	x		
2	4	Nội soi hạ họng - thanh quản ống cứng sinh thiết	x	x		
3	5	Nội soi hạ họng - thanh quản ống mềm chẩn đoán	x	x		
4	6	Nội soi hạ họng - thanh quản ống mềm sinh thiết	x	x		
5	7	Nội soi cầm máu mũi	x	x	x	
6	8	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	x	x	x	
7	9	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng cắt đốt bằng điện cao tần	x	x		
8	10	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán	x	x	x	
9	11	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết				
10	12	Nội soi thanh quản ống mềm cắt u lành tính				
11	13	Nội soi tai mũi họng	x	x	x	
12	14	Nội soi tai mũi họng huỳnh quang	x	x		
13	15	Nội soi thanh quản lấy dị vật	x	x		
		C. KHÍ- PHẾ QUẢN				
14	25	Nội soi khí - phế quản ống mềm chẩn đoán	x	x		
15	26	Nội soi khí - phế quản ống cứng chẩn đoán	x	x		
16	31	Nội soi khí - phế quản ống mềm lấy dị vật	x	x		
17	32	Nội soi khí - phế quản ống cứng lấy dị vật	x	x		
		XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG				
		Đ. TAI MŨI HỌNG				
1	52	Ghi đáp ứng thính giác trạng thái ổn định (ASSR)	x			
2	53	Mapping điện cực ốc tai	x			
3	58	Đo đề hiệu chỉnh máy trợ thính kỹ thuật số	x			
4	59	Thăm dò chức năng tiền đình (VNG)	x			
5	60	Đo thính lực đơn âm	x	x		
6	61	Đo thính lực lời	x	x		

7	62	Đo thính lực trên ngưỡng	x	x		
8	63	Đo thính lực ở trường tự do	x	x		
9	64	Đo nhĩ lượng	x	x		
10	65	Đo phản xạ cơ bàn đạp	x	x		
11	66	Đo âm ốc tai (OAE) chẩn đoán	x	x		
12	67	Ghi đáp ứng thính giác thân não (ABR)	x	x		
13	68	Đo sức cản của mũi	x	x		
14	69	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc	x	x	x	
		XXII. HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU				
		A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
1	1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	x	x	x	
2	5	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	x	x	x	
3	11	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
4	13	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	x	x	x	
5	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	x	x	x	x
		C. TẾ BÀO HỌC				
6	118	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)	x	x	x	x
7	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
8	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
9	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
10	259	Sàng lọc kháng thể bất thường (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x		
11	268	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
12	269	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
13	270	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
14	271	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	

15	272	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 37°C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
16	273	Phản ứng hòa hợp ở điều kiện 370C (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
17	274	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật ống nghiệm)	x	x	x	
18	276	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
19	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
20	283	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)	x	x	x	
21	284	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)	x	x	x	
22	285	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
23	286	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
24	287	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	x	x	x	
25	288	Định nhóm máu hệ ABO trên thẻ định nhóm máu (đã có sẵn huyết thanh mẫu) để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	x	x	x	
26	289	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	x	x		
27	290	Định nhóm máu hệ ABO, Rh(D) (Kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	x	x		
28	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
		H. HUYẾT HỌC LÂM SÀNG				
29	501	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)	x	x	x	
30	502	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	x	x	x	
		XXIII. HÓA SINH				
		A. MÁU				
1	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
2	7	Định lượng Albumin	x	x	x	
3	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
4	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	
5	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
6	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
7	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	

8	29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
9	30	Định lượng Calci ion hóa	x	x	x	
10	31	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc	x	x		
11	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
12	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity)	x	x	x	
13	51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
14	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
15	75	Định lượng Glucose	x	x	x	
16	76	Định lượng Globulin	x	x	x	
17	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x	x	
18	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
19	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
20	130	Định lượng Pro-calcitonin	x	x		
21	133	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
22	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
23	166	Định lượng Urê	x	x	x	
24	168	Định lượng Vancomycin	x			
		B. NƯỚC TIỂU				
25	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	x	x	x	x
		C. DỊCH NÃO TUỖ				
26	208	Định lượng Glucose	x	x	x	
		G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
27	228	Định lượng CRP	x	x	x	
28	234	Đường máu mao mạch	x	x	x	
		XXIV. VI SINH				
		A. VI KHUẨN				
		1. Vi khuẩn chung				
1	1	Vi khuẩn nhuộm soi	x	x	x	x
2	3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x	x	
3	6	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	x	x	x	
		2. Mycobacteria				
4	17	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	x	x	x	x
		4. Neisseria gonorrhoeae				
5	49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi	x	x	x	x
		5. Neisseria meningitidis				
6	56	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi	x	x	x	x

		B. VIRUS				
7	108	Virus test nhanh	X	X	X	X
		3. HIV				
8	169	HIV Ab test nhanh	X	X	X	X
9	172	HIV Ab miễn dịch tự động	X	X		
		7. Các virus khác:				
10	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	X	X	X	X
11	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	X	X	X	X
12	235	Coronavirus Real-time PCR	X	X		
13	238	HPV PCR	X	X		
		D. VI NẤM				
14	319	Vi nấm soi tươi	X	X	X	X
15	321	Vi nấm nhuộm soi	X	X	X	
		Đ. ĐÁNH GIÁ NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN				
16	329	Vi sinh vật cấy kiểm tra không khí	X	X	X	
17	330	Vi sinh vật cấy kiểm tra bàn tay	X	X	X	
18	331	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng	X	X	X	
19	332	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt	X	X	X	
		XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC				
1	7	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp	X	X		
2	13	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	X	X	X	X
3	14	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	X	X	X	
4	15	Chọc hút kim nhỏ các hạch	X	X	X	X
5	26	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	X	X	X	
6	30	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết	X	X	X	
7	31	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học	X	X	X	
8	35	Nhuộm PAS Periodic 10Acid Schiff	X	X		
9	36	Nhuộm xanh alcian	X	X		
10	37	Nhuộm hai màu Hematoxyline- Eosin	X	X		
11	38	Nhuộm ba màu theo phương Nhuộm 3 màu của Masson (1929)	X	X		
12	49	Nhuộm Grocott	X	X		
13	50	Nhuộm xanh Phổ Perl phát hiện ion sắt	X	X		
14	60	Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học	X	X		
15	68	Nhuộm Glycogen theo Best	X	X		
16	72	Nhuộm Mucicarmin	X	X		

17	74	Nhuộm phiên đồ tế bào theo Papanicolaou	x	x	x	
18	75	Nhuộm Diff – Quick	x	x	x	
19	76	Nhuộm Giemsa	x	x	x	x
20	77	Nhuộm May Grunwald – Giemsa	x	x	x	
21	78	Xét nghiệm tế bào học bằng phương pháp Liqui Prep	x	x		
22	79	Cell bloc (khối tế bào)	x	x		
23	89	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	x	x	x	x
		XXVI. VI PHẪU				
		C. TAI MŨI HỌNG				
1	19	Phẫu thuật vi phẫu sử dụng laser cắt dây thanh và sụn phễu một bên	x	x		
2	20	Phẫu thuật vi phẫu sử dụng laser cắt dây thanh	x	x		
3	21	Phẫu thuật vi phẫu chỉnh hình sẹ hẹp thanh khí quản	x	x		
4	22	Phẫu thuật vi phẫu chỉnh hình sẹ hẹp thanh khí quản kèm ghép sụn sườn	x	x		
5	23	Phẫu thuật vi phẫu sử dụng laser cắt sẹ sau cắt thanh quản	x	x		
6	24	Phẫu thuật vi phẫu cắt dây thanh	x	x		
7	25	Phẫu thuật vi phẫu cắt sẹ sau cắt thanh quản	x	x		
8	26	Phẫu thuật vi phẫu thanh quản	x	x		
9	27	Phẫu thuật vi phẫu tai (vá màng nhĩ, giảm áp dây thần kinh 7, cấy ốc tai...)	x	x		
		XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		A. SỌ NÃO - ĐẦU- MẶT- CỔ				
		1. Sọ não - Đầu - Mặt				
1	1	Phẫu thuật nội soi xoang bướm	x			
2	2	Phẫu thuật nội soi xoang trán	x			
3	3	Phẫu thuật nội soi hàm sàng trán bướm	x	x		
4	4	Phẫu thuật nội soi mở ngách mũi giữa	x	x		
5	5	Phẫu thuật nội soi nạo sàng trước / sau	x	x		
6	6	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn dưới	x	x		
7	7	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn mũi dưới	x	x		
8	8	Phẫu thuật chỉnh hình cắt cuốn mũi giữa	x	x		
9	9	Phẫu thuật cắt thần kinh VIDIAN	x			
10	10	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn	x	x		
11	11	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần xương hàm trên medial maxillectomy	x			

12	12	Phẫu thuật nội soi sào bào thượng nhĩ (kín / hở)	x	x		
13	13	Phẫu thuật nội soi khoét xương chũm	x	x		
14	14	Phẫu thuật chỉnh hình xương con nội soi	x	x		
15	15	Phẫu thuật nội soi mở sàng hàm	x	x		
16	16	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong	x			
17	17	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ vòm mũi	x	x		
18	18	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x		
19	19	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ	x	x		
20	20	Phẫu thuật nội soi vùng nền sọ	x	x		
21	21	Phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ	x			
22	27	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải áp vi mạch	x			
23	28	Phẫu thuật nội soi hỗ trợ giải ép thần kinh số V	x			
24	29	Phẫu thuật nội soi giảm áp dây thần kinh II	x	x		
25	33	Phẫu thuật nội soi lấy u nền sọ	x			
26	34	Phẫu thuật nội soi tuyến yên qua đường xương bướm	x	x		
		2. Tuyến giáp, tuyến cận giáp				
27	42	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp	x	x		
28	43	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp + eo giáp	x	x		
29	44	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 1 thùy tuyến giáp	x	x		
30	45	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp	x	x		
31	46	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp	x	x		
32	48	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x			
33	49	Phẫu thuật nội soi cắt 1 thùy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x			
34	50	Phẫu thuật nội soi cắt nhân tuyến giáp	x			
35	51	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp	x	x		
36	52	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
37	53	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
38	54	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	x	x		
39	55	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	x	x		
40	56	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.	x	x		
41	57	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow.	x	x		

42	58	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp.	x	x		
43	59	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 2 bên trong ung thư	x			
44	60	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp + nạo hạch cổ 1 bên trong ung thư	x			
		XXVIII. TẠO HÌNH THẨM MỸ				
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ				
		3. Vùng mũi				
1	83	Khâu và cắt lọc vết thương vùng mũi	x	x	x	
2	84	Phẫu thuật ghép bộ phận mũi đứt rời không sử dụng vi phẫu	x	x	x	
3	85	Phẫu thuật ghép bộ phận mũi đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x		
4	86	Phẫu thuật ghép toàn bộ mũi đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x		
5	87	Phẫu thuật ghép toàn bộ mũi và bộ phận xung quanh đứt rời có sử dụng vi phẫu	x	x		
6	88	Phẫu thuật tạo hình mũi toàn bộ	x	x		
7	89	Phẫu thuật tạo hình mũi một phần	x	x		
8	90	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật có cuống mạch nuôi	x	x		
9	91	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật da kế cận	x	x		
10	92	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật da từ xa	x	x		
11	93	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng các vật da có cuống mạch nuôi	x	x		
12	94	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng ghép phức hợp vành tai	x	x		
13	95	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (dưới 2cm)	x	x		
14	96	Phẫu thuật cắt bỏ u lành tính vùng mũi (trên 2cm)	x	x		
15	97	Phẫu thuật tạo hình mũi sư tử	x	x		
16	98	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi đơn	x	x		
17	99	Phẫu thuật sửa cánh mũi trong sẹo khe hở môi kép	x	x		
18	100	Phẫu thuật thu nhỏ đầu mũi	x	x		
19	101	Phẫu thuật thu nhỏ tháp mũi	x	x		
20	102	Phẫu thuật hạ thấp sống mũi	x	x		
21	103	Phẫu thuật tạo hình nâng xương chính mũi	x	x		
22	104	Phẫu thuật đặt túi giãn da cho tạo hình tháp mũi	x	x		
23	105	Phẫu thuật tạo tạo vật giãn cho tạo hình tháp mũi	x	x		
24	106	Phẫu thuật chỉnh sụn cánh mũi	x	x		
25	107	Phẫu thuật tạo lỗ mũi	x	x	x	
26	108	Phẫu thuật giải phóng sẹo chít hẹp lỗ mũi	x	x	x	

27	109	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
		4. Vùng môi				
28	110	Khâu vết thương vùng môi	x	x	x	
29	111	Phẫu thuật tái tạo khuyết nhỏ do vết thương môi	x	x	x	
30	112	Phẫu thuật tái tạo khuyết lớn do vết thương môi	x	x	x	
31	113	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vật tại chỗ	x	x	x	
32	114	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ bằng vật tự do	x	x		
33	115	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật tại chỗ	x	x		
34	116	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật lân cận	x	x		
35	117	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần bằng vật từ xa	x	x		
36	118	Phẫu thuật tạo hình môi kết hợp các bộ phận xung quanh bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
37	122	Phẫu thuật chỉnh sửa lệch miệng do liệt thần kinh VII	x	x		
38	123	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi bẩm sinh một bên	x	x		
39	124	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi bẩm sinh hai bên	x	x		
40	125	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi một bên	x	x		
41	126	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi hai bên	x	x		
42	127	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng mắc phải	x	x		
43	128	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng bẩm sinh	x	x		
44	129	Phẫu thuật tạo hình thông mũi miệng	x	x		
45	130	Phẫu thuật tạo hình thiếu năng vòm hầu bằng vật thành họng sau	x	x		
46	131	Phẫu thuật tạo hình thiếu năng vòm hầu bằng tiêm chất làm đầy	x	x		
47	132	Phẫu thuật tái tạo hình sẹo bỏng môi	x	x	x	
48	133	Phẫu thuật tạo hình sẹo dính mép	x	x	x	
49	134	Phẫu thuật tạo hình nhân trung	x	x	x	
50	135	Phẫu thuật chuyển vật da đầu tạo môi trên ở nam giới	x	x	x	
		5. Vùng tai				
51	136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	x	x	x	x
52	137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	x	x	x	x
53	138	Phẫu thuật ghép mảnh nhỏ vành tai đứt rời	x	x	x	
54	139	Phẫu thuật ghép vành tai đứt rời bằng vi phẫu	x	x		
55	140	Phẫu thuật bảo tồn sụn vành tai đứt rời	x	x	x	
56	141	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/3 vành tai bằng vật tại chỗ	x	x		
57	142	Phẫu thuật tạo hình khuyết 1/2 vành tai bằng vật tại chỗ	x	x		
58	143	Phẫu thuật tạo hình khuyết ¼ vành tai bằng vật tại chỗ	x	x	x	

59	144	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da tự do	x	x		
60	145	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng sụn tự thân (thì 1)	x	x		
61	146	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng chất liệu nhân tạo (thì 1)	x	x		
62	147	Phẫu thuật tạo hình dựng vành tai trong mắt toàn bộ vành tai (thì 2)	x	x		
63	148	Phẫu thuật tạo hình thu nhỏ vành tai	x	x	x	
64	149	Phẫu thuật tạo hình vành tai cúp	x	x		
65	150	Phẫu thuật tạo hình vành tai vùi	x	x		
66	151	Phẫu thuật tạo hình cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
67	152	Phẫu thuật tạo hình lỗ tai ngoài	x	x		
68	153	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ luân	x	x	x	
69	154	Phẫu thuật tạo hình dị dạng gờ bình	x	x	x	
70	155	Phẫu thuật tạo hình dị dạng dải tai bằng vật tại chỗ	x	x	x	
71	156	Phẫu thuật tạo hình sẹo bong vành tai	x	x	x	
72	157	Phẫu thuật tạo hình sẹo lõm quá phát vành tai	x	x	x	
73	158	Phẫu thuật cắt bỏ u sụn vành tai	x	x	x	
74	159	Phẫu thuật cắt bỏ u da lành tính vành tai	x	x		
75	160	Phẫu thuật cắt bỏ u da ác tính vành tai	x	x		
		6. Vùng hàm mặt cổ				
76	161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	x	x	x	x
77	162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	x
78	163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	x
79	164	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	x	x	x	
80	165	Khâu nối thần kinh ngoại biên vùng mặt cổ	x	x		
81	166	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây thần kinh VII (đoạn ngoài sọ)	x	x		
82	167	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má	x	x	x	
83	168	Phẫu thuật khâu vết thương thấu má và ống tuyến nước bọt	x	x		
84	169	Phẫu thuật khâu vết thương ống tuyến nước bọt	x	x		
85	170	Phẫu thuật khâu vết thương thần kinh	x	x		
86	171	Phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời không bằng vi phẫu	x	x	x	
87	172	Phẫu thuật ghép lại mảnh da mặt đứt rời bằng vi phẫu	x	x		
88	173	Phẫu thuật ghép lại mô mặt phức hợp đứt rời bằng vi phẫu	x	x		

89	174	Phẫu thuật vết thương vùng hàm mặt do hoả khí	x	x		
90	175	Điều trị gãy xương chính mũi bằng nắn chỉnh	x	x	x	
91	176	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	x	x	x	
92	187	Phẫu thuật chỉnh sửa góc hàm xương hàm dưới	x	x		
93	188	Phẫu thuật chỉnh sửa gò má - cung tiếp	x	x		
94	189	Phẫu thuật cắt chỉnh cằm	x	x		
95	190	Phẫu thuật chỉnh sửa thân xương hàm dưới	x	x		
96	191	Phẫu thuật tạo hình liệt mặt do dây VII bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
97	192	Phẫu thuật tạo hình liệt mặt do dây VII bằng kỹ thuật treo	x	x		
98	193	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh nửa mặt bằng chất làm đầy	x	x	x	
99	194	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh nửa mặt bằng ghép mỡ coleman	x	x	x	
100	195	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng chất làm đầy	x	x	x	
101	196	Phẫu thuật tạo hình thiếu sản bẩm sinh toàn bộ mặt bằng ghép mỡ coleman	x	x	x	
102	197	Phẫu thuật cắt u da mặt lành tính	x	x	x	
103	198	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (dưới 3cm)	x	x	x	
104	199	Phẫu thuật khâu đóng trực tiếp sẹo vùng cổ, mặt (trên 3cm)	x	x	x	
105	200	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	x	x	x	
106	201	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da lân cận	x	x		
107	202	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	x	x	x	
108	203	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da từ xa	x	x	x	
109	204	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da vi phẫu	x	x	x	
110	205	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x		
111	206	Phẫu thuật ghép xương bằng vật liệu thay thế tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	x	x		
112	207	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm dưới bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
113	208	Phẫu thuật cắt xương điều trị nhô cằm	x	x		
114	209	Phẫu thuật điều trị hoại tử mô do tia xạ bằng vật có cuống mạch nuôi	x	x		
115	210	Phẫu thuật điều trị hoại tử mô do tia xạ bằng vật từ xa bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		

116	212	Phẫu thuật điều trị hoại tử xương và phần mềm vùng hàm mặt do tia xạ	x	x		
117	213	Ghép da dày toàn bộ, diện tích dưới 10cm ²	x	x	x	
118	214	Ghép da dày toàn bộ, diện tích trên 10cm ²	x	x	x	
119	215	Phẫu thuật đặt túi bơm giãn da	x	x	x	
120	217	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	x	x	x	
121	218	Cắt dị dạng bạch mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
122	219	Cắt dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
123	220	Tiêm xơ dị dạng tĩnh mạch đầu mặt cổ	x	x	x	
124	221	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt dưới 5cm và tạo hình bằng ghép da tự thân	x	x		
125	222	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt dưới 5cm và tạo hình bằng vật da tại chỗ	x	x		
126	223	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt trên 5cm và tạo hình bằng vật da lân cận	x	x		
127	224	Phẫu thuật cắt ung thư da vùng cổ mặt trên 5cm và tạo hình bằng vật da bằng kỹ thuật vi phẫu	x	x		
128	225	Cắt u phần mềm vùng cổ	x	x	x	
129	226	Cắt novi sắc tố vùng hàm mặt	x	x	x	
130	227	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x	x	
131	228	Cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x		
132	229	Cắt u xơ thần kinh vùng hàm mặt	x	x	x	
133	230	Cắt u da lành tính vùng hàm mặt	x	x		
134	231	Cắt u mỡ hệ thống lan tỏa vùng hàm mặt	x	x		
135	235	Ghép mỡ tự thân coleman	x	x	x	
136	236	Ghép tế bào gốc	x	x		
137	237	Phẫu thuật đặt túi giãn da vùng mặt cổ	x	x		
138	238	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu ghép nhân tạo vùng đầu mặt	x	x		
139	239	Phẫu thuật lát bỏ chất silicon lỏng vùng mặt cổ	x	x		
140	240	Phẫu thuật lấy bỏ chất liệu độn vùng mặt cổ	x	x		
		E. THẨM MỸ				
141	410	Phẫu thuật cấy, ghép lông mày	x	x	x	
142	411	Phẫu thuật cấy tóc điều trị hói	x	x	x	
143	412	Phẫu thuật chuyển vật da đầu điều trị hói	x	x		
144	413	Phẫu thuật đặt túi dẫn da đầu điều trị hói	x	x		
145	414	Phẫu thuật thu gọn môi dày	x	x	x	
146	415	Phẫu thuật độn môi	x	x	x	
147	416	Phẫu thuật điều trị cười hở lợi	x	x		
148	417	Phẫu thuật sa trễ mi trên người già	x	x	x	

149	418	Phẫu thuật thừa da mí trên	x	x	x	
150	419	Phẫu thuật cắt da mí dưới cung mày	x	x	x	
151	420	Phẫu thuật cắt da trán trên cung mày	x	x	x	
152	421	Phẫu thuật tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
153	422	Phẫu thuật khâu tạo hình mắt hai mí	x	x	x	
154	423	Phẫu thuật lấy bọng mỡ mí dưới	x	x	x	
155	424	Phẫu thuật thừa da mí dưới	x	x	x	
156	425	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ thẩm mỹ vùng mắt	x	x	x	
157	426	Phẫu thuật treo cung mày trực tiếp	x	x	x	
158	427	Phẫu thuật treo cung mày bằng chỉ	x	x	x	
159	428	Phẫu thuật nâng, độn các vật liệu sinh học điều trị má hóp	x	x	x	
160	429	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo kết hợp sụn tự thân	x	x	x	
161	430	Phẫu thuật nâng mũi bằng vật liệu đôn nhân tạo	x	x	x	
162	431	Phẫu thuật nâng mũi bằng sụn tự thân	x	x	x	
163	432	Phẫu thuật thu gọn cánh mũi	x	x	x	
164	433	Phẫu thuật chỉnh hình mũi gồ	x	x	x	
165	434	Phẫu thuật chỉnh hình mũi lệch	x	x	x	
166	435	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ nâng mũi	x	x	x	
167	436	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau chích chất làm đầy vùng mũi	x	x	x	
168	437	Phẫu thuật nâng gò má thẩm mỹ	x	x	x	
169	438	Phẫu thuật chỉnh cung thái dương gò má	x	x	x	
170	439	Phẫu thuật chỉnh thon góc hàm	x	x	x	
171	440	Phẫu thuật chỉnh sửa các di chứng do chích chất làm đầy trên toàn thân	x	x	x	
172	441	Phẫu thuật căng da mặt bán phần	x	x	x	
173	442	Phẫu thuật căng da mặt toàn phần	x	x	x	
174	443	Phẫu thuật căng da mặt cổ	x	x	x	
175	444	Phẫu thuật căng da cổ	x	x	x	
176	445	Phẫu thuật căng da trán	x	x	x	
177	446	Phẫu thuật căng da thái dương giữa mặt	x	x	x	
178	447	Phẫu thuật căng da trán thái dương	x	x	x	
179	448	Phẫu thuật căng da trán thái dương có hỗ trợ nội soi	x	x	x	
180	449	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ căng da mặt	x	x	x	
181	450	Thủ thuật treo chỉ căng da mặt các loại	x	x	x	
182	451	Hút mỡ vùng cằm	x	x	x	
183	452	Hút mỡ vùng dưới hàm	x	x	x	

184	453	Hút mỡ vùng nếp mũi má, má	x	x	x	
185	463	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau hút mỡ.	x	x	x	
186	464	Phẫu thuật cấy mỡ nâng mũi	x	x	x	
187	465	Phẫu thuật cấy mỡ làm đầy vùng mặt	x	x	x	
188	481	Phẫu thuật độn cằm	x	x	x	
189	482	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng cấy mỡ	x	x	x	
190	483	Phẫu thuật chỉnh hình cằm bằng tiêm chất làm đầy	x	x	x	
191	484	Phẫu thuật chỉnh sửa các biến chứng sau mổ chỉnh hình cằm	x	x	x	
192	487	Laser điều trị u da	x	x	x	
193	488	Laser điều trị nám da	x	x	x	
194	489	Laser điều trị đồi mồi	x	x	x	
195	490	Laser điều trị nếp nhăn	x	x	x	
196	491	Tiêm Botulium điều trị nếp nhăn	x	x	x	
197	492	Tiêm chất làm đầy xóa nếp nhăn	x	x	x	
198	493	Tiêm chất làm đầy nâng mũi	x	x	x	
199	494	Tiêm chất làm đầy độn mô	x	x	x	